

PHƯƠNG ÁN BẢO TỒN, TÔN TẠO VÀ PHÁT HUY TÁC DỤNG HỆ THỐNG DI TÍCH PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

CN. TRẦN THỊ LÝ

Trưởng Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Quảng Bình

Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước 1883 đầu hàng thực dân xâm lược Pháp, đất nước ta rơi vào thảm cảnh “Tình thế nguy nan, cơ đồ tan nát. Cũng vì triều đình nhu nhược, tham sinh nên đã đầu hàng. Để cho quân giặc tung hoành, thừa thế ra tay tàn sát”.

Trước tình hình đó, trong triều đình có sự phân hóa, một số quan lại và quân sĩ có tinh thần dân tộc đã kiên cường nổi dậy chống thực dân Pháp. Sau khi vua Tự Đức chết, Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết trong Hội đồng Phụ chính đã dựa vào một số quan lại phái chủ chiến phé truất những ông vua thân Pháp từ Dục Đức, Hiệp Hòa đến Kiến Phúc rồi đưa Hàm Nghi còn nhỏ tuổi lên ngôi. Ngày 5/7/1885, từ Tân Sở, Quảng Trị, vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương hô hào nhân dân ra sức giúp vua cứu nước.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, từ năm 1885, nhiều cuộc khởi nghĩa lấy danh nghĩa Cần Vương nhanh chóng nổi lên khắp ba miền Bắc, Trung, Nam, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Ba Đình của Phạm Bành và Đinh Công Tráng; khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật; khởi nghĩa Tây Bắc của Nguyễn Quang Bích và khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng.

Khi biết Hàm Nghi lên Tân Sở - Quảng Trị, thực dân Pháp mở nhiều cuộc hành quân truy tìm, bắt buộc Tôn Thất Thuyết phải đưa vua ra vùng núi Hương Khê, Hà Tĩnh. Đầu tháng 11/1885, biết tin Hàm Nghi ở Sơn phòng Hà Tĩnh, thực dân Pháp đã huy động lực lượng càn quét, Tôn Thất Thuyết lại phải đưa Hàm Nghi vào vùng đất Tuyên Hóa, sau đó là Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình lập căn cứ kháng chiến mới. Minh Hóa trở thành kinh đô kháng chiến của phong trào Cần Vương trong những năm 1885 đến năm 1888.

Trong chuyên đề nghiên cứu này, chúng tôi muốn giới thiệu một số di tích về phong trào Cần Vương đã được xếp hạng di tích lịch sử, thông qua các di tích để có những phương án bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng hệ thống di tích lịch sử phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình ngày càng thiết thực hiệu quả.

1. Quảng Bình với phong trào Cần Vương

Ở Quảng Bình, hưởng ứng chiếu Cần Vương nhiều quan lại, sĩ phu yêu nước đã kêu gọi, tập hợp dân chúng lập căn cứ kháng chiến chống thực dân

Pháp xâm lược. Sách Đại Nam thực lục chính biên của triều Nguyễn viết: “Thân hào các phủ huyện Quảng Trạch, Tuyên Hóa, Quảng Bình, Bố Trạch thuộc hạt Quảng Bình khởi loạn dựng các hiệu cờ “Cần Vương cử nghĩa” (thủ tướng là nguyên Tri phủ Nguyễn Phạm Tuân)”.

Nguyễn Phạm Tuân sinh năm Nhâm Thân (1842) tại làng Kiên Bính, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh (nay thuộc phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới), năm Quý Dậu (1873) thi hương đỗ cử nhân, từng giữ chức Tri phủ Bố Trạch, Tri huyện huyện Tuyên Hóa, năm Giáp Thân được bổ làm Tri phủ Đức Thọ (Hà Tĩnh). Là vị quan thanh liêm, chính trực, một lòng yêu nước thương dân, trước họa xâm lăng ông quyết chí từ quan tham gia nghĩa quân giúp vua cứu nước.

Xuôi về phía đồng bằng, Đề đốc Lê Trực người từng tham gia nhiều trận đánh giữ thành Hà Nội bị vua Tự Đức cách chức về ở ẩn, khi có chiếu Cần Vương ông đã xây dựng căn cứ ở Thanh Thủy (xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa ngày nay) tập hợp các sĩ phu, binh lính, trai tráng các làng quanh vùng tổ chức cuộc chiến đấu chống lại đội quân xâm lược Pháp.

Ở phía hữu ngạn sông Gianh, võ tướng Mai Lượng, sau khi triều đình Huế ký hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp, ông đã từ quan về ở ẩn. Khi vua Hàm Nghi xây dựng căn cứ kháng chiến, ông đã yết kiến xin được tham gia chiến đấu. Mai Lượng được vua Hàm Nghi phong chức Lãnh binh phụ trách nghĩa quân bảo vệ phía nam căn cứ Sơn triều, Tuyên Hóa. Căn cứ của nghĩa quân Mai Lượng trải dài từ vùng núi thượng nguồn sông Rào Nan đến vùng núi phía Tây huyện Bố Trạch, kéo dài từ Cao Mại đến Troóc. Từ địa bàn rừng núi thượng nguồn sông Rào Nan, nghĩa quân Mai Lượng phối hợp với các đội quân của Lê Trực, Bạch Xi tổ chức nhiều cuộc chiến đấu, tiêu diệt và tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Ở phía hạ nguồn sông Gianh có Bạch Xi, Đoàn Chí Tuân đã tổ chức lực lượng chống Pháp ở vùng Nam Quảng Trạch và phối hợp với nghĩa quân của Hoàng Phúc ở phía Nam Quảng Bình tổ chức nhiều trận đánh làm cho quân Pháp khiếp sợ. Khi cuộc kháng chiến ở Quảng Bình gặp phải những tổn thất nặng nề, ông đã đưa đội quân của mình tìm đường ra Hương Khê nhập với đội quân của Phan Đình Phùng tiếp tục cuộc chiến đấu.

Ở địa bàn huyện Bố Trạch có Lê Mô Khởi người làng Cao Lao Hạ (nay là xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch) vốn là mệnh quan triều đình từng giữ chức Án sát tỉnh Hải Dương. Khi triều đình ký hiệp ước bán nước 1883, ông từ quan về quê dạy học. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ông đã xây dựng căn cứ Trại Nái tập hợp đông đảo nghĩa binh trong vùng tổ chức lực lượng kháng chiến. Từ căn cứ Trại Nái, nghĩa quân của Lê Mô Khởi đã tập kích tấn công quân Pháp nơi chúng đồn trú ở Lý Hòa, Hoàn Lão, Thanh Khê, Khe Nước gây cho chúng

nhiều tổn thất nặng nề. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, ông cho quân rút vào rừng sâu tiếp tục chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng.

Ở phía Nam tỉnh Quảng Bình, phong trào Cần Vương nổi lên có đội quân của Đề Ín, Đề Chít, Hoàng Phúc và nhiều văn thân khác. Nghĩa quân của Hoàng Phúc đã phối hợp với các nhóm nghĩa dũng của Đề Ín, Đề Chít dựa vào vùng rừng núi phía Tây hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy xây dựng căn cứ Kim Sen, Lèn Bạc tổ chức nhiều cuộc tấn công đánh phá doanh trại giặc làm cho chúng luôn bị động đậy. Nghĩa quân khống chế cả một vùng rộng lớn từ trung tâm tỉnh lỵ Đồng Hới đến vùng đồng bằng hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, đánh vào đình Mỹ Lộc tiêu diệt toán quân Pháp, bắt khâm sai Võ Bá Liêm, nhiều lần đánh vào các đồn binh Pháp ở Đồng Hới và có khi mở rộng địa bàn vào tận Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

2. Hệ thống các di tích về phong trào Cần Vương ở Quảng Bình đã được xếp hạng di tích lịch sử

2.1. Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Đề đốc Lê Trực

Lê Trực người làng Thanh Thủy - phủ Quảng Trạch (nay là xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa). Ông sinh năm 1828, làm quan đến chức Đề đốc và đóng quân ở Hà Nội. Ông là người chủ trương kiên quyết trấn thủ thành Hà Nội. Năm 1882, thành Hà Nội thất thủ, triều đình ký hòa ước 1883, ông đã từ quan về nhà. Năm 1885, khi Hàm Nghi xuất bôn, lúc này ông tuổi đã cao nhưng vẫn hưởng ứng chiêu mộ nhân dân trong vùng và dựng lên nhiều đồn trại suốt dọc trung lưu sông Gianh trong vòng chưa đầy 2 tháng. Căn cứ của ông ven sông Gianh một bên là dãy Hoành Sơn hiểm trở, sừng sững như một bức tường thành lớn án ngự trước căn cứ. Dưới chân núi là những khu rừng thông chạy dài. Địa thế trên đã tạo điều kiện cho nghĩa quân Lê Trực hoạt động, tiến thoái một cách dễ dàng.

Trong các căn cứ mà nghĩa quân Lê Trực đã xây dựng có căn cứ Trung Thuần phía Tây thị trấn Ba Đồn, đóng ở vị trí quan trọng về mặt chiến lược quân sự cũng như sản xuất kinh tế. Với diện tích trồng trọt khá lớn, đất đai vùng trũng màu mỡ, chính là nơi sản xuất nguồn lương thực, hoa màu chính cung cấp cho nghĩa quân. Nhân dân Trung Thuần và các vùng lân cận đã tự nguyện tham gia sản xuất, cùng nghĩa quân đào hào, đắp lũy, lập lò rèn đúc vũ khí... xây dựng hậu cứ Trung Thuần vững chắc. Vì thế, Trung Thuần cũng chính là mục tiêu mà thực dân Pháp luôn nhòm ngó để tấn công.

Lực lượng của nghĩa quân Lê Trực có khi lên đến hai ngàn người trong đó cả vợ và 2 con gái của ông tham gia. Vũ khí của họ chủ yếu là tự tạo như gươm, giáo, mác... đặc biệt là chiến thuật sử dụng đá. Nghĩa quân thường được trang bị giỏ đá bên hông, lối đánh này khiến cho quân địch phải khiếp vía mỗi khi đánh giáp lá cà.

Một trong những mục tiêu tấn công của nghĩa quân Lê Trực là các nhà thờ, nơi quân Pháp dựa vào giáo dân để lập đồn lũy, bố trí các hoạt động chống phá phong trào kháng chiến của nghĩa quân, như nhà thờ Hướng Phương và lũy Hướng Phương (Quảng Trạch). Do thường chủ động tấn công bí mật bất ngờ nên nghĩa quân Lê Trực đã nhiều phen làm cho quân địch tổn thất về lực lượng và khiếp đảm về tinh thần. Trong dân gian ngày nay vẫn còn nhắc đến câu: “Ăn cơm canh năm, rạng ngày áp lũy” để chỉ cách thức tấn công của nghĩa quân Lê Trực.

Đặc biệt, trong trận tấn công thành Đồng Hới, Lê Trực bố trí một lực lượng khá đông nghĩa quân, vũ trang 50 súng trường, 8 khẩu đại bác, nhiều giáo tên. Nghĩa quân dùng thang dài để vào thành. Quân Pháp trong thành vô cùng hốt hoảng phải nhờ quân tiếp viện từ Huế ra mới được giải thoát.

Đầu tháng 11/1886, quân Pháp bắt đầu hoạt động trở lại. Đại úy Mu-tô, đồn trưởng đồn Minh Cầm mấy lần đem quân tiến đánh căn cứ của Lê Trực nhưng đều bị nghĩa quân chặn đánh quyết liệt nên chúng vẫn không chiếm được căn cứ. Hoạt động quân sự không có kết quả, địch chuyển qua dùng thủ đoạn chính trị như dụ hàng. Tên đại úy Mu-tô đã nhiều lần tìm cách dụ dỗ Lê Trực ra hàng qua những người thân của Lê Trực bị bắt trước đó. Tuy nhiên, với khí tiết của một người thủ lĩnh, Lê Trực đã nhiều lần viết thư trả lời khẳng khái với địch, tố cáo việc người Pháp xúi giục dân công giáo đốt phá đình chùa và chính sách chia rẽ lương giáo của triều đình. Ông tuyên bố không bao giờ đầu hàng người Pháp và bọn quan lại ngụy triều Đồng Khánh.

Không có cách gì khuất phục được Lê Trực, trong bức thư cuối cùng, Mu-tô báo cho Lê Trực biết rằng chúng sẽ quyết đánh căn cứ Thanh Thủy. Đêm 18 rạng ngày 19/6/1887, quân Pháp do đại úy Tru-pen cầm đầu có gián điệp chỉ đường bất ngờ đột nhập căn cứ. Bị tập kích trong đêm tối, nghĩa quân Lê Trực bị tổn thất khá nặng. Quân địch bắt được vợ Lê Trực cùng Lãnh binh Nguyễn Khương - là người chỉ huy các trận đánh của nghĩa quân. Phần lớn nghĩa quân bị bắt đều bị giết ở Minh Cầm, riêng Nguyễn Khương bị giải về quê Thổ Ngọa để xử tử. Chúng định lợi dụng vợ Lê Trực để dụ ông ra hàng nhưng bà không chịu, chúng tiêm bà bị mù cả hai mắt.

Sau lần thất bại đó, nghĩa quân Lê Trực có phần suy yếu và gặp nhiều khó khăn về lực lượng, lương thực, vũ khí. Những viên tướng xuất sắc kề cận của Lê Trực cũng lần lượt bị hy sinh như Nguyễn Khương, Đề đốc Dương Môn, Hiệp quản Thước, Lãnh binh Nguyễn Phiên...

Bước sang năm 1888, Lê Trực đã tìm mọi cách cố gắng xây dựng lại phong trào, nhân dân Thanh Thủy tuy bị địch khủng bố ác liệt nhưng vẫn một lòng theo kháng chiến. Nhờ đó nghĩa quân đã đánh lui được nhiều trận càn ác liệt của quân Pháp, thể hiện một tinh thần chiến đấu anh dũng, bền bỉ và không

chịu khuất phục một kẻ thù xâm lược nào.

Di tích lịch sử Mộ và Nhà thờ Đê đốc Lê Trực được xếp hạng cấp Quốc gia tại Quyết định số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

2.2. Di tích lịch sử Mộ Mai Lượng

Mai Lượng còn gọi là Lãnh Mai, sinh năm 1838 trong một gia đình nhà nho nghèo ở Thọ Linh (nay là xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch). Mồ côi cha mẹ từ nhỏ nhưng vốn thông minh, có ý chí, nghị lực nên được mọi người yêu mến. Không chỉ yêu thích văn chương mà ông còn mê luyện tập võ nghệ với các trai tráng trong làng. Tháng 5 năm Ất Sửu (1865), ông đã tham gia thi và đỗ cử nhân võ tại triều đình Huế. Sau đó, ông được sung vào quân ngũ và làm đến chức Hiệp quản trong quân đội của triều đình. Ngay từ những ngày đầu mới làm quan, Hiệp quản Mai Lượng đã tỏ rõ ý chí độc lập dân tộc, ông thường phê phán những hành động bạc nhược hèn yếu của triều đình. Sau hiệp ước Pa-tơ-nốt, nhiều sĩ phu và quan lại hết sức căm phẫn trước những hành động bán nước của triều đình nên đã từ quan về lại quê nhà, trong đó có Hiệp quản Mai Lượng.

Sau vụ biến kinh thành Huế, ngày 5/7/1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của Hàm Nghi, Mai Lượng đã mộ quân kháng chiến và được phong chức Lãnh binh. Ông xây dựng căn cứ suốt một vùng từ Cao Mại (huyện Tuyên Hóa) đến vùng Troóc (huyện Bố Trạch), nhân dân địa phương còn gọi là “đồn ông Troóc”. Ông thường phối hợp chiến đấu với Đê đốc Lê Trực và hoạt động ở vùng hữu ngạn sông Gianh. Đội quân của ông có lúc lên đến nghìn người, được biên chế tổ chức thành đội ngũ chặt chẽ. Trong căn cứ việc bố phòng được triển khai có quy cũ, có nơi để nghỉ quân luyện tập, có xưởng rèn đúc vũ khí, có khu sản xuất tăng gia... Với lối đánh du kích, khi xung trận thì hết sức dũng mãnh và mưu trí, đội quân của Mai Lượng đã khiến cho giặc Pháp bao phen tổn thất nặng nề. Tham gia kháng chiến từ khi vua Hàm Nghi xuất bôn nhưng hoạt động mạnh nhất của nghĩa quân Mai Lượng là vào những năm từ 1886-1889. Từ khi làm quan cho đến khi qua đời, Hiệp quản Mai Lượng luôn tỏ rõ là một người hết lòng vì dân vì nước. Khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào Cần Vương gần như tan rã, ông vẫn không thoái chí, vẫn tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân bền bỉ kháng chiến. Điều đáng nói ở đây là việc ông đã vượt qua tầm nhìn hạn chế của các sĩ phu yêu nước lúc bấy giờ là “trung quân ái quốc”. Vì vậy, khi người “lãnh tụ tinh thần”, vị “minh quân” không còn nữa thì ông và nghĩa quân của ông vẫn tiếp tục chiến đấu, tiếp tục kháng chiến cho độc lập dân tộc.

Di tích lịch sử Mộ Mai Lượng được xếp hạng Quốc gia tại Quyết định số 95-1998-QĐ/BT ngày 24/01/1998 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

2.3. Di tích lịch sử Lăng mộ danh tướng Cần Vương Lê Mô Khởi

Lê Mô Khởi sinh năm Bính Thân (1836) trong một gia đình nho học ở Cao Lao Hạ (xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch). Vốn thông minh hiếu học, ông đã thi đỗ cử nhân năm 1861 và được bổ làm Án sát, sau làm Bố chính tỉnh Hải Dương. Năm 1884, sau hiệp ước Patonôt ông treo ấn từ quan, về lại quê nhà mở lớp dạy học.

Sau sự kiện ở kinh thành Huế (5/7/1885), vừa lúc tiếp được chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi cũng là lúc Lê Mô Khởi nhận được bức thư của người bạn cùng chí hướng Lê Trực thúc đẩy động viên, Lê Mô Khởi đã chính thức tuyên bố khởi nghĩa. Ông kêu gọi nhân dân trong vùng đứng lên đoàn kết một lòng, chống Pháp cứu nước. Lấy đình Cao Lao Hạ làm nơi tập hợp nghĩa quân, làm lễ tế cờ, phát động vũ trang chống Pháp. Ông kêu gọi lập làng chiến đấu, tổ chức tuần phòng sẵn sàng chống địch. Hàm hào được đào khắp làng. Cổng làng được xây dựng kiên cố và có canh gác cẩn mật. Thêm vào đó, những lũy tre dày bao bọc quanh làng chính là những chiến lũy thiên tạo vững chắc. Nhờ đó mà nghĩa quân và nhân dân đã đánh lui được những trận càn quét của giặc Pháp. Sau nhiều lần tổ chức những cuộc càn quét đều bị thất bại, bọn địch rất tức tối quyết vây bắt cho được Lê Mô Khởi nhưng chúng đã không đạt được ý muốn.

Để tiếp tục cuộc kháng chiến lâu dài, Lê Mô Khởi đã kêu gọi nhân dân tản cư vào vùng Trại Nái để lập căn cứ chống Pháp. Trại Nái là một khu vực núi rừng trùng điệp với hơn trăm ngọn núi liên tiếp, địa thế hiểm trở rất thuận tiện cho việc dùng binh. Hoàn thành việc xây dựng căn cứ, ông tiếp tục chiêu mộ thêm nghĩa quân. Phần lớn trai tráng làng Cao Lao theo ông đến gần 500 người. Chỉ một thời gian sau, trai tráng các làng hạ lưu sông Gianh, sông Son đều kéo về gia nhập nghĩa quân, quân số lên đến hàng nghìn người, trong đó có nhiều cai cơ, quan võ trong hàng ngũ quân đội trước đây đã cùng các võ sư, võ sĩ như Lê Văn Ngôn, Lê Văn Giả, Võ Khan, Đội Quyên... ngày đêm luyện tập võ nghệ cho nghĩa quân. Nghĩa quân tự rèn lấy vũ khí chiến đấu. Nhân dân trong vùng tích cực đóng góp công sức, tiền của cho nghĩa quân. Nghĩa quân còn khai phá đất đai tại căn cứ để tự cung cấp lương thực, thực phẩm. Tại trung tâm Trại Nái, Lê Mô Khởi đã cho xây dựng một hệ thống đồn lũy kiên cố, xung quanh là các đồn phụ bảo vệ. Với tầm nhìn chiến lược của vị tướng tài Lê Mô Khởi, căn cứ Trại Nái đã được xây dựng hoàn thành đầu năm 1886. Dù hết sức giữ bí mật nhưng thực dân Pháp vẫn đánh hơi được. Chúng tổ chức hành quân lên Trại Nái từ nhiều hướng nhằm xóa sổ căn cứ kháng chiến này. Tuy nhiên, ngay từ trận tấn công đầu tiên, chúng đã vấp phải hệ thống hầm chông ngay trước khu căn cứ làm hàng chục tên thiệt mạng, đám dân phu hoảng hốt chạy tháo thân. Những ngày sau đó chúng liên tiếp mở các cuộc tấn công vào Trại

Nái nhưng vẫn không chiếm được. Nghĩa quân Trại Nái luôn chủ động tấn công địch, bên cạnh đó còn dùng loa kêu gọi lính ngụy rời bỏ hàng ngũ, không làm bia đỡ đạn cho giặc Pháp. Chính chiêu này của nghĩa quân Lê Mô Khởi đã làm thức tỉnh những người lính ngụy. Họ đã nói với nhau: “Muốn làm đội làm cai thì xuống đồn Quảng Khê. Muốn theo quan lớn Lê thì về Trại Nái”. Và cuối cùng họ cũng nhận ra: “Thứ nhất theo quan lớn Lê, thứ nhì trở về làm ruộng”.

Nhận thấy tầm quan trọng của căn cứ Trại Nái vừa là yết hầu, vừa chặn đuôi con đường thủy hành quân từ Quảng Khê lên Minh Cầm để đánh sâu vào Đồng Lê, Quy Đạt, căn cứ của triều đình Hàm Nghi nên thực dân Pháp đã dốc toàn bộ lực lượng quyết chiếm cho được căn cứ, lần này chúng điều một lực lượng lớn từ cả đồn Ba Đồn, đồn Mỹ Hòa và đồn Quảng Khê.

Nghĩa quân Trại Nái biết trước cuộc chiến không cân sức nhưng họ vẫn không nao núng, họ vừa cố thủ, vừa chủ động ẩn nấp, mai phục chờ giặc đến là xông ra chém giết. Tuy nhiên, do lực lượng quân Pháp quá đông và mạnh nên chúng đã chiếm được căn cứ. Lê Mô Khởi thấy rằng sức mình không thể trụ được nên đã lệnh cho nghĩa quân rút lui về phía nam rừng Trường Sơn.

Sau khi căn cứ Trại Nái tan rã, một số nghĩa quân lui về quê làm ăn sinh sống, một số theo nghĩa quân Lê Trực ở Thanh Thủy. Riêng Lê Mô Khởi và ông Lưu Diệt tìm đến căn cứ của Hàm Nghi để giúp vua cứu nước.

Cuối năm 1892, lúc này ông đã gần 60 tuổi. Do hoạt động lâu ở vùng rừng núi nên ông đã nhiễm phải bệnh sốt rét rừng, sức khỏe yếu không thể hoạt động được nữa nên phải về quê dưỡng bệnh. Năm 1895 ông mất tại quê nhà.

Di tích lịch sử danh tướng Cần Vương, Lê Mô Khởi được UBND tỉnh Quảng Bình xếp hạng tại Quyết định số 3044/ĐQ-UBND ngày 17/12/2007.

3. Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và hiện trạng của các di tích lịch sử phong trào Cần Vương

3.1. Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của các di tích

Các điểm di tích về phong trào Cần Vương là những công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước, gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của quê hương, đất nước; nơi ghi dấu những sự kiện lịch sử tiêu biểu về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX. Cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Quảng Bình nói riêng chống lại quân xâm lược và bè lũ tay sai tuy chưa giành được thắng lợi hoàn toàn nhưng đã gây cho thực dân Pháp tổn thất nặng nề về lực lượng cũng như tinh thần, làm cho chúng gặp nhiều khó khăn trong việc xâm lược và bình định Việt Nam, một cuộc kháng chiến gay

go, gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của nhân dân Quảng Bình quyết không khuất phục trước kẻ thù xâm lược. Tinh thần đó đã kết nối và hun đúc nên truyền thống cách mạng cho bao thế hệ để nhân dân ta có đủ ý chí, sức mạnh đương đầu và đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược sau này.

Đặc biệt, xuyên suốt phong trào Cần Vương chống Pháp ở Quảng Bình là hình ảnh của hàng ngũ các vị lãnh tụ của phong trào như Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân, Mai Lượm, Lê Mô Khởi... họ đều tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu bất khuất trước kẻ thù, quyết hy sinh cho nền độc lập tự do của dân tộc, xứng đáng là những thủ lĩnh kiệt xuất của phong trào Cần Vương.

Di tích lịch sử phong trào Cần Vương ở Quảng Bình có giá trị giáo dục sâu sắc về truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường của các thế hệ đi trước đối với thế hệ trẻ, qua đó nâng cao lòng tự hào về quê hương, tinh thần dân tộc, đoàn kết xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh.

3.2. Hiện trạng của di tích

Di tích lịch sử phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX chỉ là những khu căn cứ được xây dựng tạm thời trong rừng, trải dài và phân tán từ phía Bắc vào phía Nam tỉnh, trên cả vùng rừng núi đến vùng đồng bằng, trải qua 130 năm tồn tại trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chiến tranh tàn phá, lại thêm nhu cầu phát triển kinh tế dân sinh ngay tại vùng đất kháng chiến năm xưa, cảnh quan bị phá vỡ không còn tồn tại, chỉ còn lại những địa danh. Các di tích được xếp hạng chủ yếu lăng mộ và nhà thờ lưu niệm danh nhân như: Mộ và Nhà thờ Lê Trực, Mộ Mai Lượm, Lăng mộ Lê Mô Khởi... đã được chính quyền các cấp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích.

Hiện nay, chính quyền địa phương cùng với các ban ngành chức năng đang từng bước lập hồ sơ các di tích có dấu hiệu di tích còn lại đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xếp hạng di tích nhằm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

4. Phương án bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng hệ thống di tích phong trào Cần Vương

4.1. Mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di tích

Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ các di tích đã và đang được xếp hạng, không để xuống cấp, tôn thất hoặc bị hủy hoại.

Nâng cao nhận thức, phát huy các giá trị của di tích trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa và truyền thống văn hiến của dân tộc cho nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; giới thiệu bản sắc và tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam với các nước, là cơ sở quan trọng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc như Nghị quyết Trung ương 5 đề ra.

Trong điều kiện cho phép, các di tích cần được tu bổ, tôn tạo một cách hoàn chỉnh với tư cách là một sản phẩm du lịch có giá trị phục vụ chiến lược phát triển ngành du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về di tích và danh lam thắng cảnh theo hướng mở rộng quá trình xã hội hóa, thu hút sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào việc bảo vệ và phát huy di tích, gắn với việc quản lý Nhà nước bằng pháp luật.

4.2. Định hướng cơ bản trong tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích

4.2.1. Trong tu bổ chống xuống cấp di tích

Khi thực hiện việc tu bổ, chống xuống cấp các công trình di tích phải lập dự án trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá toàn diện các giá trị di tích gốc.

Tôn trọng và giữ gìn bằng mọi biện pháp các yếu tố gốc của di tích; hạn chế tối đa mọi sự thay thế, nhất là thay thế bằng các chất liệu và vật liệu mới. Giải pháp ưu tiên và bảo quản, gia cố và tu bổ di tích.

Việc khôi phục các di tích đã bị mất phải dựa trên cơ sở các tài liệu khoa học xác thực và chỉ thực hiện trong những trường hợp thật cần thiết. Việc sử dụng chất liệu bền vững để thay thế chất liệu dễ hư hỏng trong khôi phục di tích phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, đảm bảo tính xác thực đối với di tích và cần được phân biệt rõ với chất liệu gốc.

Trong tu bổ, chống xuống cấp di tích ưu tiên vận dụng các quy trình và các kỹ thuật thi công truyền thống; sử dụng các chất liệu và vật liệu truyền thống phù hợp với di tích. Các chất liệu, vật liệu và kết cấu mới chủ yếu được sử dụng trong bảo quản gia cố.

Việc tu bổ, chống xuống cấp di tích phải tuân thủ các quy trình sau: Nghiên cứu tư liệu và khảo sát hiện trạng (kể cả việc nghiên cứu thám sát và khai quật khảo cổ) - xây dựng dự án và thiết kế kỹ thuật, dự toán - thẩm định, phê duyệt - thi công dưới sự giám sát của nhà chuyên môn và duy trì nhật ký công trình - nghiệm thu - hoàn chỉnh hồ sơ tu bổ.

4.2.2. Trong tôn tạo di tích

Tôn tạo di tích là nhằm tạo điều kiện làm nổi bật các mặt giá trị của di tích và tạo ra môi trường cảnh quan hài hòa với di tích đó.

Quy hoạch các tuyến đường tham quan, đi lại trong khu di tích phải phù hợp với tính chất lịch sử của di tích. Sử dụng những hình thức chiếu sáng hiện đại khi thực sự cần thiết, không làm ảnh hưởng tới giá trị thẩm mỹ của di tích.

Các công trình phụ trợ được phép xây dựng, nhưng phải nằm ngoài khu

vực bảo vệ di tích bao gồm nhà trưng bày bổ sung di tích, nhà tiếp khách và nhà ban quản lý, trạm điện, hệ thống phòng, chống cháy, hệ thống thu gom rác thải. Vị trí các công trình này không được ảnh hưởng tới cảnh quan khu di tích. Trong trường hợp cần phải có thì nội dung trưng bày chỉ giới hạn trong phạm vi những sự kiện và tài liệu trực tiếp liên quan tới di tích.

Các công trình phục vụ như bãi đỗ xe, bến thuyền, quán ăn uống, giải khát, công trình vệ sinh, cửa hàng bán hàng lưu niệm... bố trí cách biệt khỏi các khu vực bảo vệ của di tích, không được gây ô nhiễm môi trường, phù hợp với cảnh quan chung của di tích.

Các tượng đài có thể được xây dựng ở các di tích lịch sử cách mạng để ghi dấu lịch sử chiến thắng bằng hình thức kiến trúc - điêu khắc hoành tráng kết hợp hình khối kiến trúc - phù điêu - tượng tròn - vườn hoa... Vị trí tượng đài phải ở khu di tích có diện tích lớn, đặt ở khu vực thích hợp và không làm ảnh hưởng đến di tích gốc.

4.2.3. Trong sử dụng và khai thác di tích

Sử dụng và khai thác di tích trước hết vì lợi ích của toàn xã hội.

Khuyến khích các hoạt động sử dụng và khai thác di tích nhằm phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, xây dựng giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam, góp phần mở rộng giao lưu văn hóa với các nước.

Khuyến khích việc sử dụng và khai thác di tích để phục vụ nhu cầu du lịch văn hóa, giải trí lành mạnh của nhân dân. Bài trừ các hủ tục và chống các biểu hiện tiêu cực, thương mại hóa trong sử dụng và khai thác di tích.

Khuyến khích sử dụng di tích theo đúng công năng lúc khởi dựng. Trường hợp cần thiết có thể sử dụng một số hạng mục trong di tích vào các chức năng khác, nhưng không được làm biến đổi cơ cấu không gian cũng như nội thất của di tích.

Nghiêm cấm các hình thức dịch vụ có khả năng gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến cảnh quan di tích, hạn chế khả năng quan sát, thưởng ngoạn di tích của khách tham quan di tích.

Việc thu phí tham quan và lệ phí sử dụng, khai thác di tích phải tuân theo quy định chung. Các khoản thu nêu trên trước hết phải được tái đầu tư cho việc bảo quản, tu bổ di tích.

4.3. Phương án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích

4.3.1. Đối với các di tích lịch sử lưu niệm sự kiện

Việc khoanh vùng di tích phải đáp ứng yêu cầu bảo tồn các di tích, môi trường, khung cảnh lịch sử, gắn với việc bảo vệ các khu rừng tự nhiên.

Do các khu di tích lịch sử quân sự thường trải rộng trên những vùng đất rộng lớn nên khu vực bảo vệ phải được phân định theo các điểm và cụm di tích tiêu biểu.

Bảo quản nguyên trạng các di tích và di vật gốc. Chỉ phục hồi khi có đủ các cơ sở khoa học như ảnh, bản vẽ, tư liệu thành văn hoặc lời kể của nhân chứng.

Ưu tiên bảo quản các yếu tố gốc như các công trình còn lại, các đồ dùng còn lại của các danh nhân, hầm hào, địa đạo, các di vật (vũ khí và phương tiện chiến tranh), bảo quản hiện trường tăng sức thuyết phục của các di tích và thành phần di tích đã mất trên cơ sở các cứ liệu lịch sử chắc chắn.

Trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện việc trưng bày bổ sung tại khu di tích. Nội dung trưng bày chỉ giới hạn trong việc chỉ giới thiệu những vấn đề liên quan trực tiếp đến di tích. Nhà trưng bày bổ sung nên tổ chức ở các công trình kiến trúc sẵn có của di tích, nếu phải xây dựng mới thì quy mô vừa phải, phù hợp với số lượng tài liệu, hiện vật hiện có.

Đối với di tích lưu niệm lịch sử quân sự có thể xây dựng sa bàn mô tả toàn bộ sự kiện đặt trong nhà trưng bày. Sử dụng các hình thức ghi nhận sự kiện như dựng bia, bia đài. Hạn chế việc xây dựng tượng đài.

Nhà lưu niệm xây dựng tại địa phương, quê hương danh nhân phải gắn với di tích gốc của danh nhân, về quy mô cần xem xét trong mối tương quan chung giữa các danh nhân ở địa phương và phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Không xây dựng nhà tưởng niệm hay nhà bảo tàng cấp quốc gia đối với danh nhân.

Ưu tiên cho các công tác tư liệu hóa qua việc xây dựng hồ sơ khoa học, phim, ảnh hoặc hình thức ghi nhận sự kiện bằng bia đài, đài kỷ niệm.

Giữ gìn các cây cổ thụ trong khu di tích.

Không xây dựng nhà trưng bày bổ sung tại di tích; hạn chế tối đa các công trình tôn tạo trong khu vực bảo vệ của di tích, tránh làm tổn hại đến cảnh quan khu di tích.

4.3.2. Đối với các di tích thành quách, lăng mộ

Đảm bảo khoảng cách giữa thành với các công trình xây dựng khác, kiên quyết giải tỏa các công trình xây dựng lấn chiếm khu vực bảo vệ của di tích.

Bảo tồn hiện trạng các vòng thành, cổng thành, hào thành, tiến hành gia cố những chỗ bị hư hỏng, có thể khôi phục một số đoạn hào, cổng thành theo đúng kiến trúc vốn có của di tích.

Duy trì các truyền thống văn hóa và môi trường sống đô thị, phát triển du lịch. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể như thuần phong

mỹ tục trong nếp sống, lối sống, lễ hội, nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực...

Tăng cường tuyên truyền giới thiệu và đưa nội dung của các di tích vào giáo dục truyền thống lịch sử cho các thế hệ nhất là ở địa phương, gắn kết nhà trường với di tích, gắn việc học tập tại trường với học tại di tích. Việc làm này cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, bảo tàng và di tích.

Việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử phong trào Cần Vương trên đất Quảng Bình được tiến hành từ rất sớm, ngay từ khi di tích được xếp hạng. Trong vòng 15 năm qua cơ quan quản lý, bảo vệ di tích đã dựng bia, đánh dấu vị trí, khoanh vùng bảo vệ, phục hồi, tôn tạo được một số di tích thành phần quan trọng như: Mộ và Nhà thờ Đề đốc Lê Trực ở xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa; Mộ Mai Lượng thuộc xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch..., đã đón, phục vụ khách tham quan trong và ngoài nước.

4.4. Một số đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử

Hiện nay, Luật Di sản văn hóa đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1/1/2002, được sửa đổi bổ sung năm 2009, đây là văn bản pháp lý cao nhất làm cơ sở quan trọng cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Vì vậy, chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng tỉnh phải thực hiện đúng những điều quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm giải toả triệt để những trường hợp lấn chiếm, xâm hại di tích. Đồng thời, chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng phải tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền về nội dung của Luật Di sản văn hóa đến với mọi tầng lớp nhân dân, để chính họ - những chủ thể của di tích trên quê hương mình, trực tiếp tham gia bảo vệ, góp phần vào bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, chống lấn chiếm, sử dụng sai mục đích di tích.

Tiếp tục công tác nghiên cứu, điều tra khảo sát khoa học toàn diện sâu sắc đối với hệ thống các di tích thành phần nhằm bổ sung, chỉnh lý các hồ sơ khoa học nâng cao tính pháp lý của hồ sơ mà trước đây chưa được thể hiện đầy đủ, thiếu những thông tin quan trọng. Hiện còn nhiều di tích về phong trào Cần Vương ở Quảng Bình vẫn chưa được nghiên cứu, chưa có hồ sơ khoa học pháp lý đầy đủ, cần tiếp tục nghiên cứu để xây dựng hồ sơ khoa học trình các cấp xếp hạng để trên cơ sở đó tạo điều kiện cho công tác quản lý và phát huy giá trị của di tích trong thời gian sau này.

Có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn bảo tồn, tôn tạo di tích. Tuyệt đối không làm thay đổi những yếu tố gốc vốn có của di tích. Trong quá trình tiến hành bảo tồn, tôn tạo, nhất thiết phải có hồ sơ lưu trữ, đòi hỏi cán bộ chuyên môn phải có sổ sách ghi chép về mọi biện pháp can thiệp vào di tích và áp dụng các phương tiện trang bị kỹ thuật cho di tích.

Tinh cần phối, kết hợp với ngành du lịch, với các cơ quan thông tin truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng triển khai các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, đặc biệt là quảng bá du lịch để xây dựng các tuyến, điểm du lịch đặc thù kết nối hệ thống di tích phong trào Cần Vương với các di tích trong vùng (cả các khu du lịch, những di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh khác) nhằm tạo ra sản phẩm du lịch mới.

Cơ quan quản lý di tích phải bồi dưỡng, nâng cao chất lượng công tác hướng dẫn tham quan tại các di tích lịch sử bằng việc mở những lớp tập huấn, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên về kiến thức lịch sử, văn hóa, ngoại ngữ, quân sự, lối ứng xử với du khách và cộng đồng. Hướng dẫn viên phải am hiểu sâu về di tích phong trào Cần Vương và có vốn ngoại ngữ cần thiết.

130 năm đã trôi qua nhưng ký ức về các trận đánh của những danh tướng Cần Vương không vì thế mà phai nhạt. Có được điều này, một phần nhờ vào công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử về phong trào Cần Vương trong nhiều năm qua. Tuy còn nhiều việc phải làm, song chúng tôi tin tưởng rằng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, di tích lịch sử phong trào Cần Vương mãi mãi trường tồn, góp phần quan trọng vào việc giáo dục truyền thống lịch sử cho các thế hệ, từ đó bồi đắp lòng yêu nước tự hào dân tộc, tạo sức mạnh và niềm tin cho thế hệ trẻ tiếp bước ông cha, cống hiến nhiều hơn nữa cho đất nước và dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo:

1. *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb Giáo dục.
2. *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục.
3. *Luật Di sản văn hóa 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009*.
4. Luận văn tốt nghiệp: “*Phong trào Cần Vương Bình Trị Thiên (1858-1888)*”, sinh viên thực hiện: Hoàng Xuân Đạt.
5. Tôn Thất Bình, *Kể chuyện chín chúa, mười ba vua triều Nguyễn*, Nxb Đà Nẵng.
6. *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 18, Nxb Khoa học Xã hội, 1978.
7. *Quảng Bình Thắng - Tích - Lục*.
8. *Danh nhân văn hóa Quảng Bình*.
9. *Lê Mô Khởi - Danh tướng thời Cần Vương*, Nxb Thuận Hóa, 2002.
10. Kỷ yếu hội thảo: “*Hoàng Kế Viêm trong tiến trình lịch sử cận đại Việt Nam*”, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Bình, tháng 11/2010.
11. *Lý lịch di tích lịch sử: Danh tướng Cần Vương Lê Mô Khởi; Mộ và Nhà thờ Đê đốc Lê Trực; Mộ Mai Lượng*, Ban Quản lý Di tích - Danh thắng Quảng Bình.